

BÀI PHÁP ĐẦU TIÊN CỦA ĐỨC PHẬT

Mỗi khi xuân về, theo thông lệ của tu viện Chân Không, đến ngày 30 Tết, quý Tăng, Ni và Phật tử tụ hội về đây để nghe những lời chỉ dạy quý báu của thầy viện chủ trong đêm Giao Thừa. Thiên đường của tu viện vẫn giữ bộ mặt xưa, lặng lẽ tôn nghiêm giữa những hàng cây cổ thụ, những tảng đá biến thành những băng ngồi, nay vẫn đang phơi mình dưới nắng, sương. Bên trong thiên đường cũng vẫn là cái giản dị thường nhật của tu viện. Tượng Đức Phật Thích Ca bằng xi măng mỉm cười nhìn xuống. Hai bên là hoa quả và lọ hương đang nghi ngút trước đài.

Xin mời quý vị nghe bài giảng thứ nhất của thầy Viện Chủ trong đêm Giao Thừa.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Hôm nay tôi sẽ nhắc lại bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật cho quý vị nghe. Vì tất cả chúng ta tu mà nếu không nắm vững đầu mối của sự tu hành đó, thì có thể mình dễ đi lạc hoặc đi sai. Vì vậy nên hôm nay tôi nhân ngày cuối năm để nhắc lại bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật, để mỗi người thấy rõ con đường mà Đức Phật đã vạch sẵn, và cũng để cho mọi người biết được nguồn gốc của sự tu.

Khi bắt đầu vào bài đó, tôi nói những lý do để cho quý vị thấy điều cần yếu của sự tu, bởi vì tất cả chúng ta là con người, thì con người nào cũng mang nặng những tánh yêu thương, quý trọng, gìn giữ, lo âu, sợ hãi, khổ đau v.v... là tại sao? Đều là vì cái bản thân này mà ra. Thì như vậy chủ yếu của sự tu hành là chúng ta phải biết được cái bản thân của người chúng ta như thế nào?

Lâu nay mỗi người chúng ta cứ quen nhìn ra ngoài, cứ thấy hay, dở, tốt, xấu. Nói chung lại là chúng ta cứ chạy theo ngũ dục, chạy theo sáu trần mà quên ngay rằng con người mình là thế nào? Bởi không biết mình như thế nào, cho nên cả đời cứ quay cuồng trong sự tạo nghiệp, thọ khổ mà tự mình không biết. Vì vậy cho nên Đức Phật đầu tiên khi nói pháp cho năm anh em ông Kiều Trần Như thì ngài đi thẳng vào vấn đề. Vấn đề đó là gì? Ngài không nói điều gì khác, mà chỉ thẳng nơi con người. Phải biết con người mình như thế nào? Con người mình đau khổ hay là an vui? Nếu mình thương nó, mình trọng nó, mình gìn giữ nó thì hỏi nó là thật an vui mà mình quý trọng, mình thương yêu, mình gìn giữ, hay là nó là đau khổ mà mình quý trọng, mình thương yêu. Nếu không hiểu nó, mà mình đi hiểu tất cả sự vật bên ngoài thì đó là ngọn nhánh chớ không phải cội gốc.

Nếu chúng ta đem hết tâm tư, đem hết khả năng của mình tìm kiếm, hiểu những gì ngoài chúng ta, thì đó chưa phải là căn bản. Cũng như cái nhà, chúng ta muốn hiểu cái nhà đó, trước tiên phải hiểu ông chủ nhà. Ông chủ nhà biết rồi thì

cái nhà chúng ta phan phui tìm hiểu không khó. Thì như vậy, con người mới là chủ, còn tất cả sự vật chung quanh chỉ là bạn mà thôi. Theo danh từ chuyên môn trong nhà Phật gọi là Chánh Báo và Y Báo. Chánh Báo là con người, mà Y Báo là hoàn cảnh hay là ngoại cảnh. Chánh Báo tốt thì Y Báo theo đó mà tốt. Chánh Báo xấu thì Y Báo theo đó mà xấu. Vì vậy cho nên Chánh Báo là chủ mà Y Báo là phụ. Thế mà chúng ta quen tìm hiểu Y Báo, mà không thấy rõ được Chánh Báo. Đó là một khuyết điểm lớn lao.

Vì vậy cho nên khi Phật muốn dạy tu, đầu tiên Đức Phật bắt chúng ta phải xác định thân này là khổ hay vui? Thấy rõ điều đó, thì mọi vấn đề chúng ta mới thấy đúng. Bởi vì mọi phán đoán đều qua chúng ta, rồi mới nhìn sự vật. Nếu mình không biết mình, mà nói biết sự vật đúng lẽ thật thì chắc không bao giờ có. Cho nên phải biết mình đúng như sự thật rồi mới biết ngoại cảnh, biết nơi người đúng như sự thật. Còn nơi mình mà mình biết một cách sai lầm, thì với người, mình cũng biết một cách sai lầm! Rồi với ngoại cảnh mình cũng biết một cách sai lầm! Chủ yếu của đạo Phật là phải biết mình. Cho nên cái bài thuyết giảng đầu tiên của Đức Phật mang đề tài - Pháp Tứ Đế, mà trong Pháp Tứ Đế đó có cái đế số một Phật nói về Khổ Đế. Nghe nói Khổ Đế thì quý vị tưởng nói cái khổ đó là cái gì xa lạ bên ngoài, nhưng sự thật Khổ Đế là chỉ xác nhận nơi con người. Nơi con người này là khổ hay vui? Phải xác nhận lại con người mình là khổ hay vui. Nếu mình biết nó là khổ thì mình phải cố gắng mà tu để cho nó hết khổ. Còn mình biết nó là vui, thì tu làm chi cho thừa. Như vậy thì khi nhìn thẳng thân này, chúng ta biết nó là khổ hay là vui? Biết đúng như thật rồi thì sau đó mới nói tới chuyện tu hành. Còn nếu chưa biết nó đúng như thật thì đừng nói tu làm gì. Tại sao vậy? Bởi vì thân này là cái gốc, là cội nguồn mà nếu mình không biết nó thì nói gì khác cũng là chuyện bên ngoài thôi. Cho nên Phật bắt chúng ta phải xác nhận thân này là khổ hay là vui. Đó là cái gốc của bài thuyết pháp đầu tiên.

Nhưng mà nói tới cái gốc đó, thì mọi người chúng ta nghe Phật nói thân này là khổ. Mà mình xác nhận có khổ thật không? Đây là điều tôi phải nhắc lại lần nữa cho quý vị thấy. Ai nấy nghe Đức Phật nói thân này là khổ, thì họ đều cho rằng quan niệm đạo Phật là bi quan. Nghĩa là nhìn tới thân là thấy khổ. Khổ rồi đâm ra chán đời. Nhưng mà sự thật không phải vậy. Đây là lẽ Đức Phật bắt chúng ta phải nhìn thấy cho đúng. Cho nên chữ "Khổ" không chưa đủ mà phải thêm chữ "Khổ Đế", cái khổ đó là đúng như thật. Chớ không phải chuyện tưởng tượng, không phải chuyện phi lý. Đức Phật nêu lên hoặc là Tứ Khổ hoặc là Bát Khổ.

Tứ khổ là sinh, già, bệnh, chết. Nói sinh thì ta cứ nghĩ sinh là khi mình mới lọt lòng mẹ rồi thì khóc oa oa. Đó là khổ. Nhưng theo tôi thì mình phải nói sinh ra là trong một cuộc sống. Sinh hoạt hiện tại của mình, là khổ hay vui? Chứ lúc mới lọt lòng mẹ có khóc đi nữa, cũng không có cảm giác đau khổ như thế nào. Bây giờ ngay trong cuộc sống hàng ngày mà mình đang sống, quý vị thấy khổ hay vui? Nếu chúng ta xét kỹ từ thuở bé cho đến hiện giờ, người già thì sáu bảy mươi, trẻ

hơn thì bốn năm mươi, người trẻ nữa thì hai ba mươi, trong thời gian quý vị sống đó, những điều mình muốn được như ý nhiều hay là bất như ý nhiều? Muốn mười điều, nếu đạt được cao lắm là ba điều, bốn điều. Còn có khi mười điều mà chưa được một điều nữa. Mà cái gì như ý gọi là vui, còn bất như ý thì khổ. Như vậy tóm lại trong mười điều muốn được có hai ba điều vừa ý, còn đến bảy tám điều không vừa ý, thì như vậy cái nào nhiều? Khổ nhiều hay vui nhiều? Dĩ nhiên chúng ta thấy đó là khổ nhiều, chứ không phải vui nhiều. Vì trong cuộc sống xảy ra những điều bất như ý tức là đau khổ. Như vậy sinh là khổ hay là vui? Trong cuộc sống có bất như ý tức là phải khổ. Đó là lẽ thật không chối cãi được.

Rồi già có khổ không? Thì điều đó không ai chối cãi được. Khi trẻ thì đi chơi tự do, tự tại, muốn làm gì thì làm được. Còn khi già thì bị hạn chế đủ hết. Đi thì không được vững vàng, nói năng thì có khi lập cà lập cập, ăn thì răng rụng hoặc lung lay. Rồi cho tới mọi việc không được sung sướng như lúc xuân thời. Do đó già là khổ. Rồi tới cái thứ ba, bệnh có khổ không? Bệnh thì không ai thấy vui được hết. Bệnh là khổ. Đến cái thứ tư, chết có vui không? Chết cũng là khổ luôn. Thì như vậy, sinh, già, bệnh, chết là bốn cái không ai chối được "không phải đau khổ", mà đều thấy là đau khổ.

Như vậy đau khổ đó từ đâu mà ra? Bởi vì sinh, già, bệnh, chết đổi thay luôn luôn, không ở nguyên một vị trí cho nên mình bị chuyển biến. Chuyển biến cho nên mình buồn khổ, rồi mình nhọc nhằn đau khổ. Cái đau khổ đó là căn cứ trên cái thân vô thường. Bởi thân vô thường cho nên có sinh, có già, có bệnh, có chết. Thì trong bốn cái khổ đó, quý vị kiểm lại coi trên nhân gian này có người nào thoát khỏi bốn cái khổ đó không? Chắc không ai có. Người nào cũng phải chịu chung như vậy.

Vì vậy cho nên Phật nói "Khổ Đế", - Khổ Đế là lẽ thật. Còn nếu đi xa chút nữa, thì Phật nói tám cái khổ: Ái biệt ly, Cầu bất đắc, Oán tắng hội, Ngũ ấm xí thạnh. Ái biệt ly tức là yêu thương mà xa lìa, vui hay khổ? Người thân mình xa lìa thì mình đau khổ. Rồi những người mình không ưa mà cứ gặp mặt hoài thì sao? Thì cũng không vui, cũng là khổ. Rồi cái mình thích, mong cầu mà không được như ý, đó cũng là khổ. Thì như vậy ba cái khổ đó là ba cái khổ về liên hệ bên ngoài. Còn bốn cái khổ trước là ngay nơi bản thân mình bị sinh, già, bệnh, chết. Nó đổi thay nên đau khổ. Rồi sự liên hệ mình và người, và những sự vật chung quanh. Những cái mình thích mà không được, đó là Cầu bất đắc. Rồi cái mình yêu thương mà bị xa lìa, đó là Ái biệt ly. Những cái mình không ưa mà cứ phải gặp, đó là Oán tắng hội. Rồi tới cái thứ tám là Ngũ ấm xí thạnh, tức là mang cái thân ngũ ấm này, nó là cái gốc của sự đau khổ, đó là cái chung.

Nói tám khổ nhưng chỉ có bảy. Bốn khổ thuộc về thân tứ đại, còn ba khổ thuộc về đối với hoàn cảnh, đối với mọi người chung quanh. Khổ thứ tám chung cả thể xác lẫn tinh thần tức là ngũ ấm, là phần vật chất và tinh thần của con người

chung hợp lại là một vòng biến chuyển. Cho nên nói nó là đau khổ thì như vậy, nói chung lại mang cái thân vô thường là mang cái đau khổ. Nếu biết nó là vô thường, biết nó là đau khổ, thì mình có say mê để vun bồi, mà tô điểm, mà tạo những cái gì cho thật hơn người để nó hưởng hay không? Cũng như bây giờ quý vị biết rõ một món đồ giả, xài hai ba năm là bể, là hư, thì quý vị có nghĩ rằng để món đồ đó mình rán tìm cách giữ được trăm năm, có nghĩ như vậy không? Hay là biết nó đúng hai năm, ba năm là phải hư, thì bây giờ trong khi mình cần thì nên tận dụng nó cho hữu ích. Chứ còn giữ nó, nó cũng hư!

Như vậy mình biết rõ thân này là tạm bợ, là vô thường, là đau khổ, thì nếu mình không sử dụng nó bằng cách lợi mình, lợi người thì rất uổng một cuộc đời. Vì vậy cho nên, thấy được thân đau khổ, tạm bợ rồi, chúng ta mới nẩy ra những tâm hồn vì người, lợi người, hay là làm lợi ích cho chúng sinh. Còn nếu thấy mình là lâu dài, là tốt đẹp, là quý báu thì sẽ sinh ra kiêu hãnh, ngã mạn. Thấy mình lâu dài, lo tích lũy dành dụm. Thấy mình hơn người thì tức là mình khinh kẻ khác. Do đó vừa thấy nó là hơn, là lâu dài, là quý báu thì bao nhiêu cái tật xấu nó theo đó. Chúng ta là Phật Tử đều thấy thân này vô thường, đau khổ.

Đành rằng lý là như vậy, nhưng mà nhận để mà sống thì không dám nhận. Đó là những điều mà người ta không có gan, biết lẽ thật là như vậy mà không dám nhìn đúng lẽ thật đó, rồi cứ tưởng tượng mình còn sống dai. Vì vậy cho nên sự tu của mình vẫn còn yếu, việc làm lợi ích cho chúng sinh cũng vẫn nhẹ nhẽ chứ không dám nhiều. Đó là khuyết điểm của người Phật Tử chúng ta, cho nên đầu tiên Đức Phật bảo mình phải nhận cho xác thật thân này là đau khổ. Đã là đau khổ thì mình phải làm sao cho mình hết khổ, cho người hết khổ. Chứ không phải nói đau khổ rồi bó tay, bó gối rồi than khóc.

Thấy khổ rồi, phải làm sao cho mình hết khổ, cho người hết khổ. Đó là mục tiêu của Phật dạy. Vì vậy cho nên tới Đế thứ hai là Tập Đế. Vì mình biết thân này là đau khổ, mà muốn hết thì phải làm sao? Thử hỏi tại sao mình mang cái thân đau khổ này? Tức là phải tìm nguyên nhân của nó. Đức Phật chỉ cho mình thấy nguyên nhân của nó. Nói đơn giản là do tham, sân, si, tức là ba cái thứ độc. Còn nếu nói nhiều hơn nữa, thì nói rằng sáu thứ căn bản phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Đó là nhân tích tụ để rồi thành quả của cái thân đau khổ này. Từ thấy quả đau khổ, mình phải lần tìm coi do nguyên nhân nào mà mang cái thân đau khổ này. Mình truy tìm thấu đáo thì mới biết do tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến.

Nói về tham, sân, si, sở dĩ chúng ta khổ trong cuộc sống là vì có những điều bất như ý. Trong cuộc sống có những sự bất như ý, mà điều gì làm mình bất như ý? Tại mình muốn điều đó mà không được. Mà muốn là thuộc về tham. Bởi có tham mới có bất như ý! Bởi vì tham của mình là tham vừa khả năng mình, hay là tham quá khả năng mình? Khả năng mình có năm mà mình tham tới cả ngàn. Tham quá sức như vậy, cho nên bất như ý quá nhiều. Thì như vậy mới biết rõ tham là gốc

của đau khổ. Quý vị thấy có người nào, tham một cái này được rồi không tham nữa không? Hễ muốn cái này rồi thì muốn cái thứ hai. Thứ hai được rồi muốn thứ ba. Lúc nào tham cũng kéo tới. Nó chạy dài dài không có nơi đứng, không có chỗ thảng (hãm). Bởi không thảng được cho nên con người không bao giờ được như ý! Nghĩa là ở địa vị nào cũng bất như ý hết. Bởi vì lòng tham vô chừng, mà khả năng mình hữu hạn. Khả năng hữu hạn mà mang lòng tham vô chừng vô hạn thì làm sao mà không đau khổ. Vì vậy cho nên có lòng tham là có đau khổ. Rồi tôi hỏi quý vị, khi quý vị già, cảm thấy già quý vị khổ. Tại sao già lại là khổ? Tại mình muốn trẻ không muốn già. Mình muốn trẻ tức là mình tham trẻ, mà già nó đến thì tức nhiên là bất như ý rồi! Chớ mình đừng có tham trẻ, thì khi già nó tới, cứ cười với cái già thì có khổ gì đâu? Rồi hỏi tại sao chết là khổ? Tại mình muốn sống. Mình muốn sống mà cái chết nó đến thì mình thấy khổ.

Thì như vậy sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, tử khổ gốc tại cái gì mà ra? Từ lòng tham, thì như vậy cái khổ đó từ lòng tham. Nếu hết lòng tham thì bốn khổ đó đâu còn. Do tham mà có khổ. Do sân thì có khổ. Do si có khổ cũng dễ hiểu, bởi vì si là không thấy đúng sự thật. Bởi vì không thấy đúng như thật cho nên mới tham bậy, tham bướng. Thấy đúng lẽ thật rồi thì khả năng mình bao nhiêu, thì thấy rõ bấy nhiêu. Thấy không sai lầm thì mình đâu có tham bậy, thì đâu có khổ. Tham rồi bất như ý mới khổ. Vì vậy cho nên tham, sân, si là gốc của đau khổ, là nguyên nhân của đau khổ. Rõ ràng như vậy. Biết rõ cái đau khổ không phải bỗng dưng có, mà gốc từ tham, sân, si hay là chung cả sáu căn bản phiền não. Như vậy thì muốn hết đau khổ phải làm sao? Phải tìm nguyên nhân bệnh, mà tìm được nguyên nhân bệnh rồi thì chừng đó trị nhân hay quả? Nếu nhân trị hết thì quả tự nhiên đâu còn. Diệt Đế tức là diệt cho hết nguyên nhân đã tạo thành quả đau khổ đó. Nguyên nhân đó diệt sạch rồi thì hết quả đau khổ. Mà hết quả đau khổ đó gọi là gì? Hết khổ gọi là vui.

Như vậy chủ yếu của đạo Phật là dạy cho chúng ta từ thấy được quả đau khổ rồi, phải tìm nguyên nhân. Biết được nguyên nhân rồi tiêu diệt nguyên nhân đó, thì quả đau khổ hết. Cũng như mình biết bệnh đó là do vi trùng vì nó quấy phá hoành hành, bây giờ biết rồi dùng thuốc trị vi trùng đó, vi trùng đó chết hết rồi thì bệnh đó được sạch hết, được lành. Trị hết nguyên nhân rồi thì quả đau khổ đâu còn. Chữ "Diệt" này là diệt sạch nguyên nhân đau khổ. Thì cũng giống hết như ông thầy thuốc trị hết vi trùng, vi trùng mà làm cho bệnh phát ra đó, diệt hết thì bệnh tự nhiên lành. Đó là tinh thần Diệt Đế.

Nhưng mà bây giờ biết được nguyên nhân thì phải có phương pháp để tiêu diệt nó. Cũng như mình biết được vi trùng rồi, bây giờ dùng thuốc gì đây? Thuốc gì có công hiệu nhất đối với đám vi trùng này, thì đó là phương pháp. Vì vậy cho nên tới điều thứ tư là Đạo Đế. Đạo Đế tức là phương thuốc diệt hết nguyên nhân đau khổ. Đạo Đế thì nhiều lắm, nói theo trong các kinh A Hàm có ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nhưng mà phần nhiều về gốc thì nói Bát Chánh Đạo. Đó là tôi nói

cho quý vị căn bản của Tứ Diệu Đế, chứ tôi không giải thích hết những chi tiết về Tứ Đế. Như vậy, chúng ta thấy rõ Đức Phật nói Khổ Đế là chỉ lẽ thật ngay nơi bản thân chúng ta, để mình nhận thức thấu đáo lẽ thật đó. Rồi mình phăng lần tới nguyên nhân. Vì nguyên nhân nào có hiện tượng đau khổ này? Biết được nguyên nhân đó rồi, mình tìm cách tiêu diệt nguyên nhân đó cho sạch, nếu sạch rồi thì quả khổ không còn. Bây giờ muốn tiêu diệt nó, phải có phương pháp. Phương pháp đó là Đạo Đế. Như vậy bốn đế để nhắm thẳng vào con người của chúng ta, từ quả đến, rồi từ khổ đưa đến diệt hết khổ. Chứ không có nghĩa khổ rồi cam chịu khổ, như người đòi mang thân khổ mà không biết đau khổ. Bởi vì không biết khổ nên họ nói cần gì tiêu diệt khổ. Cho nên khi mang thân khổ, họ tưởng là vui, rồi tự hào hãnh diện, rồi đủ thứ bệnh theo đó. Họ mang thân khổ mà lại không hay, không biết. Chúng ta nghĩ là đáng giận hay đáng thương? Thí dụ như bây giờ có một người bệnh nặng, không sống bao lâu nữa, kéo dài lắm sáu tháng hay một năm. Nhưng người bệnh trầm trọng như vậy, mà họ cứ giận người này, cứ khinh người kia, họ hung dữ với kẻ nọ, tất cả cái tham lam tật xấu đó họ hiện đủ hết. Thì mình thấy như vậy là đáng thương hay đáng giận? Mình biết họ mang cái thân khổ đau, mỏng manh mà không tự biết. Họ lại dùng nó không đúng, cho nên đáng thương chứ không đáng ghét.

Cho nên chúng ta tu Phật mở màn bằng chữ "Khổ", nhưng kết thúc bằng chữ "Lạc". Biết khổ rồi, tiêu diệt nguyên nhân khổ, để được vui chứ đâu phải biết khổ để chịu khổ. Như vậy biết khổ rồi tiêu diệt nguyên nhân khổ để được vui, đó là pháp Phật. Còn thế gian thì mở màn bằng vui nhưng mà kết thúc bằng khổ. Thí dụ một người chưa biết uống rượu, mà gặp bạn bè kêu lại nài nỉ uống rượu thì lúc đó vui lắm, hi hả lắm. Nhưng mà uống rồi say, ngã bờ ngã bụi lúc đó lại khổ. Mở màn là vui, kết quả là khổ. Đó là cái lầm lẫn của con người. Cho nên đối với đạo Phật, ngài chỉ thẳng đau khổ là điều căn bản. Cho nên nói khổ để rồi tìm cách tiêu diệt nó, để cho được an vui.

Bây giờ tôi xin hỏi quý vị cái vui trong đạo Phật là vui làm sao? Thí dụ quý vị bị đói bụng, đói bụng làm cho mình khổ. Lúc đói bụng làm xót xa trong bao tử làm cho mình khổ. Nếu được vài chén cơm ăn no thì lại vui. Như vậy cái khổ của sự đói bụng lúc trước không còn, tức là hết khổ. Mà hết khổ người ta nói là được vui. Vui đó không phải vui như đi coi hát. Không phải vui như tiệc trà, tiệc rượu. Mà là vui an ổn, an nhiên, tự tại trong bản thân mình. Lúc này đói quá đi không nổi, ngồi đứng không an, sau khi ăn được đôi ba chén cơm thì khỏe mạnh lại. Muốn đi thì được, muốn làm gì thì làm được. Đó gọi là vui.

Cũng như vậy, chúng ta còn mang tám thân này mà trong đó chứa chấp tham, sân, si thì chúng ta còn đau khổ. Nếu tiêu diệt hết tham, sân, si thì còn thân này mà lúc đó còn đau khổ không? Hỏi này tôi nói cái thân này là đau khổ. Nhưng bây giờ đây ta biết nguyên nhân đau khổ chính là tham, sân, si. Khi dẹp hết tham, sân, si thì còn thân này, mà lúc đó có đau khổ không? Điều này phải xác nhận cho

thật rõ. Nếu không thì nghe nói "Thân này là khổ thì còn thân này là còn khổ." Như vậy những vị chứng được quả A La Hán; tham, sân, si không còn, thì lúc đó các ngài cũng hãy còn thân, mà có khổ như mình không? Khi các ngài già các ngài có rên rĩ không? Khi các ngài chết, có buồn thảm không? Như vậy để thấy rằng tuy còn thân mà hết cái nhân tham, sân, si rồi thì cũng hết đau khổ. Vậy cho nên các vị A La Hán khi gần tịch, các vị vui vẻ tịch, không có sợ sệt như mình.

Như vậy để thấy rõ ràng khi nhân đau khổ không còn, dù còn thân này mà quả đau khổ đã giảm, cũng đã bớt đi rồi. Hiểu như vậy quý vị mới thấy hiệu nghiệm của sự tu. Chứ để nhiều người không hiểu nói: "Như vậy Diệt Đế là diệt sạch nhân đau khổ, rồi chết mình mới được Niết Bàn, chừng đó mới hết khổ". Thì lúc đó người ta nói chết rồi ai biết mình được Niết Bàn? Ai biết mình hết đau khổ? Đó là chuyện hứa hẹn xa xôi quá, thiếu thực tế! Ngay trong cuộc sống này, như các vị chứng được A La Hán hay như Đức Phật, sau khi thành Phật rồi ngài mới được ba mươi mấy tuổi. Trong khoảng ba mươi một tuổi đó cho tới tám mươi tuổi thời gian bốn mươi chín năm đó ngài cũng già, cũng bệnh, cũng chết, mà ngài có khổ như mình không?

Như vậy mới thấy rằng diệt hết nguyên nhân đau khổ rồi tuy còn thân này mà vẫn không có khổ. Đó là bằng chứng cụ thể của sự tu. Ngay trong thân này khi mình đạt đến chỗ đó rồi cũng hết đau khổ như thường. Vì vậy cho nên các vị A La Hán, hay các vị Bồ Tát, các ngài cũng mang thân mà các ngài không khổ là chỗ đó. Vậy để quý vị thấy rõ ràng chúng ta tu là cốt diệt khổ, mà diệt khổ là để hết khổ, mà hết khổ là chúng ta an vui.

Rồi chúng ta muốn đem an vui cho mọi người. Đó là tự lợi, lợi tha. Mà đó cũng là lòng từ bi. Mình biết làm như vậy hết khổ mà người khác đang còn chịu đau khổ, mình phải thương họ. Thì lòng thương đó là lòng từ bi. Lúc nào mình có giác ngộ thì liền có từ bi. Còn nếu không giác ngộ thì lòng từ bi gượng gượng thôi. Không có từ bi thật. Tại sao vậy? Bởi mình không giác ngộ, còn mê lầm, thì còn đau khổ. Mà nếu có thương người ta, thì gượng mà thương thôi bởi vì mình có hết khổ đâu mà lo cho người ta hết khổ được. Thí dụ, nếu mà mình có của nhiều, tự mình không có đói, không có thiếu, gặp người khác đói mình muốn giúp để cho họ bớt thiếu thì dễ. Còn mình đang đói thiếu như họ mà nói tới thương anh quá, thương chị quá thì nói bằng miệng chứ thực tế mình không làm gì được cho họ. Cho nên có giác ngộ rồi mới có từ bi, thì cái từ bi đó là từ bi chân thật, do mình hưởng được sự an vui của mình rồi mình mới đem sự an vui đó lại cho mọi người.

Vì vậy cho nên người tu như chúng ta hiện tại chưa có làm lợi ích cho nhiều người. Nhưng mà ráng nỗ lực đi tu; nỗ lực dẹp hết tham, sân, si của mình. Khi nó sạch, nó an ổn rồi, khi đó mình muốn giúp lợi ích cho người thì rất là thuận lợi. Chứ còn mình chưa hết mà muốn cho người ta được lợi ích thì nhiều khi hơi trục trặc. Thí dụ như bình thường thì mình cũng tỉnh táo, cũng sáng suốt. Khi mình

tỉnh táo sáng suốt thấy huynh đệ nào họ có những cái phiền não rồi ren thì mình có thể khuyển bảo, giảng dạy nghe được lắm. Nhưng mà tới lúc mình gặp gia cảnh bối rối, mình cũng làm những việc không được sáng sủa, nói lời không được sáng suốt, làm cho người ta mất lòng tin. Vì vậy cho nên cái lợi tha không được trọn. Còn nếu mình được tỉnh mãi mãi, thì không bao giờ mình mất lòng tin. Cho nên hễ khi nào mình tỉnh giác trọn vẹn, thì cái lợi tha mới được trọn vẹn.

Như vậy căn cứ ở trên thân này, chúng ta thấy rõ là phải biết nó, bản chất nó là vô thường, là đau khổ để rồi chúng ta cố gắng tạo điều kiện cho sự đau khổ được tiêu diệt. Mà sạch hết đau khổ rồi thì chúng ta được an vui. Đó là tinh thần của pháp Tứ Đế mà trong các bộ kinh A Hàm chúng ta đã học. Bây giờ nói xa hơn chút nữa, từ nơi thân vô thường đau khổ này, qua cái nhìn của các vị Bồ Tát. Thân này Bồ Tát thấy nó vô thường không? Có đau khổ hay không? Nó cũng vô thường, cũng đau khổ nhưng mà các ngài thấy khác nhau một chút. Bởi ngay cái thân vô thường đau khổ này, các ngài buri ra được một cái không vô thường, không đau khổ. Hồi nầy là nói theo Tứ Đế. Cái nhìn của Tứ Đế chỉ nhìn nơi thân, nơi tướng cho nên thấy thân này là vô thường đau khổ do từ tham, sân, si mà ra. Đẹp được hết tham, sân, si thì đau khổ theo đó mà hết.

Nhưng mà ở đây, qua Đại Thừa hay qua cái nhìn của các thiền sư, thì chúng ta thấy một bước khác. Ngay trong cái thân vô thường đau khổ các ngài cũng thấy rõ như vậy, biết nó là vô thường đau khổ. Đó là cái gì? Như quý vị học kinh Lăng Nghiêm nhờ Đức Phật nói chuyện với vua Ba Tư Nặc. Vua Ba Tư Nặc nói thân của ông lúc mười tuổi thì trẻ hơn lúc hai mươi tuổi, và lúc hai mươi tuổi thì trẻ hơn lúc ba mươi tuổi, cho tới ngày nay, năm nay, già hơn năm rồi, tháng này già hơn tháng trước v.v... Mỗi ngày đổi thay từng phút từng giây. Đức Phật mới bảo rằng trong cái sinh diệt vô thường hay trong cái già chết đổi thay đó có một cái chưa từng già chết. Đức Phật mới chỉ cho ông cái không già không chết, ở ngay trong cái thân già chết.

Cái không già không chết là cái gì? Cái không già không chết đó Đức Phật chỉ từ cái thấy, từ cái nghe. Trong kinh Lăng Nghiêm có đoạn Phật đưa tay lên xòe năm, xòe năm. Phật hỏi A Nan có thấy không? Ngài A Nan trả lời thấy. Phật hỏi thấy cái gì? Ngài A Nan nói thấy tay Phật xòe năm. Phật hỏi: "Tay ta xòe năm mà cái thấy của ông có xòe năm không?" Ngài A Nan trả lời: "Tay Phật xòe năm, chớ cái thấy của con không xòe năm". Xòe năm tức là động, động thì vô thường. Như vậy chúng ta thấy ngay trong cái thân vô thường này có cái không phải vô thường, không phải sinh diệt. Vì vậy mà ngài Vĩnh Gia Huyền Giác mở đầu Chứng Đạo ca bằng những câu:

Pháp thân giác liễu vô nhứt vật,

Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật,

Ngũ uẩn phù vân không khứ lai.

Ngộ được có thân, pháp thân, rồi pháp thân đó không có một vật, mà pháp thân đó cũng gọi là bản nguyên, cũng gọi là tự tánh, cũng gọi là Phật thiện chân. Nó sẵn trong đó. Khi mà mình giác ngộ được có pháp thân rồi, thì nhìn lại cái thân ngũ uẩn này như: "Ngũ uẩn phù vân không khứ lai." Nghĩa là thân ngũ uẩn này, chẳng khác nào mây nổi bay qua lại trong bầu trời. Mây bay trong bầu trời quan trọng tới mức nào? Lát thì hợp, lát thì tan, khi thì trụ, khi thì tan, lúc có lúc không. Có nghĩa lý gì đâu.

Vì vậy cho nên nhận được pháp thân trong thân ngũ uẩn này, chừng đó mình mới thấy thân ngũ uẩn này như là mây nổi chợt còn, chợt mất không có nghĩa lý gì. Rồi lúc đó thấy: "Tam độc thủy bào hư xuất một." Tam độc là tham, sân, si chẳng khác nào cái bọt nước nó chợt nổi rồi chợt tan. Như vậy chúng ta còn thân này, chúng ta có khổ hay không? Nếu thấy được điều đó chúng ta có khổ hay không? Đối với hàng Nhị Thừa thấy thân này là khổ. Rồi nguyên nhân của khổ là ba độc tham, sân, si. Thì qua tới Đại Thừa, nhất là tới Thiên Tông thì ngay thân khổ đó, vô thường đó, thấy được có pháp thân chưa từng vô thường, chưa từng sinh diệt. Bởi vậy đứng từ pháp thân đó mà nhìn lại thân vô thường sinh diệt này chẳng khác nào như đám mây nổi. Còn ba độc tham, sân, si như cái bóng nước.

Như vậy nhân và quả của thân này đều là tạm bợ giả dối không có nghĩa lý gì hết. Thấy được như vậy rồi thì đối với thân này còn buồn, còn khổ không? Sự còn mất của nó mình có rên rĩ không? Hiểu như vậy mới thấy rằng ngay trong thân vô thường, đau khổ mà chúng ta tỉnh giác nhận ra được pháp thân chân thật rồi, thì chừng đó, thân vô thường đau khổ này không còn có gì là quan trọng đối với mình. Bởi vậy cho nên Bồ Tát nhìn thấy thân này như mây nổi, thấy tam độc như là bong bóng nước cho nên không sợ tam độc mà cũng không quý tiếc thân này. Mà tại sao các ngài không sợ tam độc? Bởi vì thấy pháp thân ở trong thân sinh diệt rồi, thì lúc đó các ngài còn si hay không? Bởi vì thấy thân này như mây nổi còn gì nữa mà tham. Mà hết tham thì không còn sân. Vì vậy các ngài thất tam độc như bong bóng nước nổi rồi tan, không có gì thiệt mà phải sợ.

Vì mình thấy thân này là thiệt, đó là si mê. Bởi si mê nên tham lam rồi sân hận. Vì vậy mình sợ tham, sân, si. Đó là nhân rồi sợ quả khổ. Còn Bồ Tát, bởi thấy rõ điều đó, thì các ngài giác ngộ. Mà giác cho nên hết si, hết si cho nên hết tham, hết tham thì hết sân. Do đó các ngài coi tham cũng như là bong bóng nước. Hiểu như vậy các hàng Bồ Tát không còn sợ thân này là đau khổ. Không còn sợ nguyên nhân tạo thành thân đau khổ nữa. Bởi vậy cho nên các ngài vui vẻ. Có vị Bồ Tát nào mà buồn không?

Còn các vị chưa chứng được Bồ Tát, còn tu theo hạnh A La Hán thì các vị đó đang tu có vui không? Bởi vì thấy thân này là đau khổ sinh tử; rồi thấy tham,

sân, si là gốc của đau khổ, mà chưa dẹp hết được thì các ngài chưa vui được, lúc nào cũng cố gắng để tiêu diệt. Vì vậy mà các ngài khổ hạnh đủ thứ. Còn Bồ Tát bởi thấy trong thân vô thường có cái thường, bởi vậy cho nên các ngài không sợ sệt, không hoảng hốt mà tâm các ngài hằng an, hằng tĩnh, đó là giai đoạn của Bồ Tát. Thì như vậy chúng ta biết rõ chư Bồ Tát, đã thấy được tâm này, ngay nơi trong thân này có cái chân thật rồi, thì các ngài sẽ làm sao?

Tôi dẫn thêm vị Cổ Đức nói một bài tụng:

Chư Phật tại tâm đầu,

Người mê chạy ngoài cầu.

Trong ôm báu vô giá,

Chẳng biết một đời trôi.

Chư Phật tại tâm đầu, tức là ở ngay nơi đầu tâm mình. Sao không nói ở đuôi tâm mà nói ở đầu tâm? Bởi vì khi mình thấy niệm lên, trước khi dấy niệm lúc đó là động hay là tịnh? Nó tịnh rồi mới dấy động chứ? Như vậy trước khi chưa dấy niệm thì lúc đó Phật ở ngay trong đó rồi mà dấy niệm là thành chúng sinh. Cho nên nói chư Phật ở tâm đầu. Chưa dấy niệm đó, ngay đó là Phật rồi mà mình không biết. Nghĩa là đừng dấy niệm tức là Phật đó rồi, nhưng vừa dấy niệm Phật thành ở dưới, tức nhiên đợi niệm lắng xuống thì thấy Phật hiện nữa. Như vậy thấy rằng niệm dấy lên, thiên hạ chấp cái đó là tâm. Mà thật ra Phật ở đầu niệm chứ không đâu hết. Trước khi niệm sinh là có Phật rồi, mà dấy niệm thành chúng sinh, mà chúng sinh lắng xuống trở về Phật lại chứ có xa xôi gì đâu. Vậy mà Người mê chạy ngoài cầu. Người mê chạy kiếm ông Phật ở chỗ này, chỗ kia, ở Tà Lon, Ông Cẩm gì đó, chứ không chịu thấy ông Phật ngay tâm mình. Trong ôm báu vô giá. Chẳng biết một đời trôi, nghĩa là trong tâm mình đã ôm sẵn một hòn ngọc báu vô giá mà mình không chịu biết hòn ngọc đó, rồi một đời để trôi qua, uổng một đời.

Qua bốn câu rất là đơn giản của các ngài, mình thấy rõ là Phật đâu có ở xa mình. Bởi ở ngay đầu tâm đó mà rồi không hiết cứ chạy đầu này đầu kia. Chạy hí hục, leo non, leo núi để tìm Phật. Rốt cuộc rồi có gặp Phật không? Có gặp thì gặp cái gì chứ không gặp Phật. Rồi mình đã sẵn một hòn ngọc báu vô giá ở trong lòng mình mà không biết, để trôi một đời thật đáng tiếc. Đó là một vị thiền sư nhắc cho chúng ta biết.

Tôi nhắc lại một lần nữa, dầu tu theo hạng Thanh Văn hay là hạnh Bồ Tát, đều có một mục đích để đạt được sự yên vui. Nghĩa là hàng Thanh Văn thấy thân khổ để tìm nguyên nhân tiêu diệt khổ, hết khổ rồi được vui. Còn Bồ Tát thấy rõ trong thân đau khổ có chân thường an lạc. Cho nên biết có chân thường an lạc rồi

các ngài trở về sống với sự an lạc đó cũng là an vui. Nhưng mà khi ở hai điểm có hai cái từ bi khác nhau. Khi ở hàng Nhị Thừa thấy cái thân này vô thường, đau khổ rồi tìm nguyên nhân diệt hết nguyên nhân đau khổ, cho được an vui. Nhìn lại những người mang thân đau khổ mà không biết đau khổ, rồi lại say sưa trong đó, các ngài khởi từ bi thường chỉ dạy để cho người ta diệt nguyên nhân đau khổ để cùng được vui Đó là tinh thần của Nhị Thừa.

Còn Bồ tát thì khác. Bồ Tát thấy ngay trong thân vô thường đau khổ có chân thường, an lạc trong đó cho nên các ngài không dạy mình lối dẹp tham sân si, mà các ngài dạy mình phải giác ngộ. Phải thấy được chân thật ngay trong hư dối. Nếu thấy được chân thật ấy rồi, thì đó là phá được si. Phá được si rồi thì tham cũng hết, sân cũng hết. Thì đó cũng là dẹp tham, sân, si. Nhưng mà ở đây dẹp mà không dạy pháp tu mà chỉ mình phải thấy. Vì vậy mà Thiên Tông gọi là Kiến Tánh Khởi Tu. Thấy được chân thật rồi sau đó mình từ từ xóa bỏ mê lầm.

Vì vậy cho nên, vào hàng Đại Thừa, khi mà dạy người ta thấy cái khổ rồi để thoát khổ, bằng cách chỉ thẳng chỗ đó hơn là chỉ cách diệt ba độc. Và chỉ thẳng cho mình thấy trong thân vô thường có chân thường. Bao giờ lúc nào cũng chỉ điều đó cho nên bao nhiêu kinh điển Đại Thừa, nếu quý vị đọc sẽ thấy. Thí dụ như trong kinh Pháp Hoa thì Phật nói chỉ có một Phật Thừa, rồi chỉ thẳng cho mình cái tri kiến Phật. Kinh Lăng Nghiêm cốt chỉ cho mình thấy được chân tâm. Còn kinh Viên Giác cốt chỉ cho mình thấy tính Viên Giác. Thì kinh nào cũng nhằm cái đó là gốc. Như vậy mình phải hiểu tại sao tinh thần Đại Thừa nhắm thẳng vào đó.

Cho đến Thiên Tông cũng vậy. Chỉ cho mình kiến tánh, nhận cho ra cái đó rồi mới kiến tánh khởi tu. Thì cái đó là gốc của sự tu, đó là nguồn gốc cho mình thấy ngay nơi thân tạm bợ hư dối có cái chân thật. Vì chủ yếu của mình tu đây là đừng lầm nhận thân giả dối cho là chân thật. Mà nếu lầm nhận giả dối cho là chân thật rồi mỗi mê lầm kéo theo dài dài không bao giờ kể hết. Còn bây giờ mình thấy rõ nó rồi, từ giả dối mình tìm ra sự chân thật ở trong, rồi tự nhiên mình thấy nó là tầm thường như mây nổi. Tự nó giải quyết được bao nhiêu vấn đề.

Vì vậy cho nên Đại Thừa là đốn ngộ, mau là ở chỗ đó. Vì vậy lòng từ bi của Đại Thừa, khi nhận mình có cái chân thật rồi, đối với thân này mình hết quan trọng. Bởi hết quan trọng thì mình hết đau khổ, thì lúc đó thương xót muốn chỉ dạy cho người ta. Chỉ dạy điều gì? Thì giống như trong kinh Pháp Hoa mà nói, cho rằng thấy bạn nghèo quá, lang thang, say sưa liền cho hòn ngọc báu, cột trong chéo áo đó. Cho cái đó, nếu bạn quên, chỉ cho cái đó lấy ra xài thôi. Lấy cái đó làm then chốt để dạy tu, lòng từ bi chỉ thẳng chỗ đó. Cho nên quý vị thấy rõ ràng cả đời Bồ Tát Thường Bất Khinh làm việc gì, gặp ai ngài cũng nói: "Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật." Tức là cốt chỉ cho ai nấy cũng đều có của báu đó. Nghĩa là nhận cho ra của báu đó là một việc làm suốt cả cuộc đời của các ngài.

Hiểu được chỗ đó quý vị mới thấy bao nhiêu chư Bồ Tát đều nhằm thẳng chỉ cho chúng ta phải làm sao nhận ra hòn ngọc báu đó. Thì như vậy quý vị mới thấy rõ không có nói riêng về hàng Đại Thừa, Bồ Tát mới có từ bi mà hàng Nhị Thừa cũng có từ bi vậy. Nhưng từ bi nhìn khác hơn bên Đại Thừa. Hai bên khác nhau như vậy cho nên chúng ta mới thấy có chia ra Tiểu Thừa, Đại Thừa. Nhưng mà mục tiêu chính yếu đều là thấy rõ thân này là gốc.

Thấy rõ thân này là gốc rồi kế đó là tìm cách nào giải hết đau khổ đưa tới an vui. Như vậy là chủ yếu đạo Phật dù Tiểu Thừa, Đại Thừa cũng là đem lại nguồn an vui cho chúng sinh. Chứ không nói đau khổ, chán nản. Đem lại nguồn vui tức là an ổn phần khởi vui tươi. Cho nên quý vị thấy ai mà tu lâu, tu có hiệu lực thì người đó không phải người buồn mà là người vui. Ngoài ra tu lồi thối thì còn nghĩ sự được ít, mất nhiều, thì đó còn buồn vui. Chứ thật tình tu có đạo lực thì ít có buồn vui. Thì như vậy mới thấy rõ đạo Phật là đem lại nguồn vui cho chúng sinh, chứ không phải đau khổ.

Vì vậy cho nên người tu theo đạo Phật là cốt hết khổ. Cho nên tất cả chúng ta từ Tăng Ni cho tới Phật tử nam nữ, mỗi người tu làm sao mỗi ngày bớt khổ thì mới gọi là thật tu. Chứ còn tu mà cứ càng ngày càng chồng chất thêm những khổ đau, đó chưa phải là biết tu. Như vậy tu có nghĩa là giải khổ, chứ không phải tu để mà thêm khổ. Dầu cho ở chùa, dầu cho học đạo nhiều năm mà chưa có bớt khổ cũng chưa phải là biết tu. Thì như vậy chúng ta học đạo là cốt làm sao cho hết khổ. Mà muốn hết khổ là phải nhận ra hòn ngọc báu của mình hay là nhận ra được pháp thân.

Cho nên tôi nhắc lại câu chuyện của ngài Cảnh Thăng. Ngài ngồi trong am với chú thị giả nghe ở ngoài kia có con rắn nó bắt con nhái thì con nhái kêu ọ ọ ở ngoài. Ngài hỏi chú thị giả tiếng gì ở ngoài. Chú thị giả đáp là tiếng rắn bắt nhái kêu. Ngài nói: "Chúng sinh khổ, lại có khổ chúng sinh". Như vậy thì con rắn bắt con nhái, thì con nhái bị con rắn bắt là chúng sinh khổ, còn khổ chúng sinh là ai? Là chú thị giả hay là ai? Là người mà quên mình theo vật. Ai quên mình theo vật thì người đó đều khổ hết. Đó là khổ chúng sinh. Bởi vì chúng ta ngay nơi mình có hòn ngọc báu mà lúc nào cũng quên nó, mà cứ chạy theo âm thanh sắc tướng bên ngoài. Bởi chạy theo âm thanh sắc tướng bên ngoài cho nên bị vô thường chi phối. Do đó mà khổ. Bởi vậy cho nên khi nghe tiếng mà chỉ biết tiếng chứ không nhớ mình. Vì vậy cho nên cảnh khổ là chúng sinh khổ. Mà quên mình đó là khổ chúng sinh. Để thể cho ông thị giả, nếu trả lời cho câu hỏi của ngài Cảnh Thanh thì tôi sẽ nói: "Quan Âm diệu trí lực. Năng cứu chúng sinh khổ."

Để kết luận bài nói chuyện hôm nay, tôi xin dẫn một bài kệ của thiền sư Chân Nguyên ở Việt Nam đời Lê để cho quý vị nhớ mà tu:

Nhất tánh viên minh cá cá đồng,

Bao la thiên địa tổng hư không.

Ngã kim trực chỉ Tây Lai ý,

Tâm tịch linh tri thị chánh tông.

Nói rằng Nhất tánh viên minh cá cá đồng tức là một tánh tròn sáng mà mỗi người ai cũng đồng có, ai cũng có tánh tròn sáng như vậy. Bao la thiên địa tổng hư không tức là nó bao trùm cả trời đất và hư không. Nếu mình thấy được tánh đó thì cái thân này thật là bọt bèo không đáng kể gì hết. Ngã kim trực chỉ Tây Lai ý nghĩa là nay tôi nhắm thẳng ý Tây Lai, tức là ý của tổ sư từ Ấn Độ sang, ý đó là tâm tịch linh tri thị chánh tông. "Tâm tịch", chữ Tâm hồi nầy tôi nói là tâm đầu. Tâm là chỉ cho cái tâm vọng tưởng phân biệt của mình đó. Mà tâm vọng tưởng phân biệt nó lặn đi rồi thì còn "Linh Tri" tức là hiểu biết sáng suốt, không phân biệt. Đó chính là "Chánh Tông". "Tâm tịch linh tri thị chánh tông" nghĩa là những tâm vọng tưởng lặn xuống còn linh tri sáng suốt đó, tức là "Chánh Tông" mà tổ Bồ Đề Đạt Ma đem sang. Vì vậy cho nên bản dịch:

Một tánh sáng tròn mỗi mỗi đồng,

Bao trùm trời đất cả hư không.

Nay ta nhắm thẳng Tây lai ý,

Lòng vắng biết thiêng ấy chánh tông.

Như vậy tất cả chúng sinh ta tu mà nhất là tu thiên thì thấy cái ý tổ sư từ Ấn Độ sang rõ ràng bằng một câu kết thúc này: "Lòng vắng biết thiêng ấy chánh tông". Thì quý vị nhớ rằng ứng dụng như vậy thì đời tu chúng ta không uổng, mà đó cũng là ý của tổ sư từ Ấn Độ sang.



Đề tài thuyết giảng: **BÀI PHÁP ĐÀU TIÊN CỦA ĐỨC PHẬT**

Thiền sư : **Thích Thanh Từ**

Thiền viện : **Chân Không (Vũng Tàu)**

Năm : **Xuân Bính Dần (1986)**

Sưu tầm và đánh máy: Thanh-Son
VA-2002